TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 13-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Minh Tự

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 59/2018/HNGĐ-ST ngày 16-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Sa H, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Thạch R, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Anh Thạch R, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị Sa H trình bày: Chị và anh Thạch R kết hôn với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau một khoảng thời gian sống chung, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân, do anh R trực tiếp quản lý toàn bộ tiền bạc và quyết định mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình; đồng thời, anh R thiếu tôn trọng chị, có hành vi đánh đập chị. Vì không chịu đựng được, nên chị đã trở về nhà cha mẹ ruột và đi làm thuê ở

Thành phố Hồ Chí Minh. Nay, chị thấy không thể sống chung với anh R được nữa, nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh R.

Về con chung: Có hai người con chung tên Thạch Sao R, sinh năm 1996 và Thạch Thị Sa V, sinh ngày 10/4/2001. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung, không yêu cầu anh R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Thạch R trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị Sa H về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn; đồng thời, anh thừa nhận trong lúc tức giận thì anh có đánh chị Sa H, nhưng nguyên nhân dẫn đến việc anh đánh chị Sa H, là do chị Sa H buôn bán thiếu nợ nhiều người. Hiện nay, hai người con đều đã lớn, không muốn các con bị mặc cảm với mọi người nên anh không đồng ý ly hôn với chị Sa H, mà anh xin được đoàn tụ gia đình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2018/HNGĐ-ST ngày 16-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 3 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 147, Điều 179, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Sa H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Sa H được ly hôn với anh Thạch R.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Thạch R với chị Thạch Thị Sa H về việc đồng ý giao cho chị Thạch Thị Sa H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thạch Thị Sa V; đồng thời, chị Thạch Thị Sa H được trực tiếp chăm sóc, điều trị bệnh cho cháu Thạch Sao R cho đến khi cháu Thạch Sao R khỏe mạnh và có khả năng lao động được.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/11/2018, anh Thạch R làm đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn của chị Thạch Thị Sa H, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Sa H và anh R đã trầm trọng, không thể sống chung được, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho chị Sa H và anh R ly hôn với nhau, là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1

Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc đoàn tụ vợ chồng. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Sa H và anh Thạch R kết hôn với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Chị Sa H khai rằng, trong khoảng thời gian sống chung với anh R, thì anh R thiếu tôn trọng chị Sa H; anh R trực tiếp quản lý toàn bộ tiền bạc và quyết định mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Đồng thời, anh R còn có hành vi đánh chị Sa H nên chị Sa H kiên quyết ly hôn với anh R. Còn anh R thì không đồng ý ly hôn với chị Sa H, nhưng anh R thừa nhận trong thời gian sống chung với chị Sa H, mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, cũng như tiền bạc đều do anh R trực tiếp quản lý và quyết định; anh R thừa nhận có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Sa H như chị Sa H khai. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh R có yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm dành thời gian một tháng cho anh R nhờ những người lớn tuổi đến gặp cha mẹ ruột của chị Sa H và chị Sa H, nhằm trao đổi, động viên để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, đoàn tụ sống chung với nhau. Tòa án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện cho anh R tự hòa giải đoàn tụ, nhưng chị Sa H không đồng ý (BL 24, 57, 59, 61). Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử tiếp tục phân tích, động viên chị Sa H trở về nhà, đoàn tụ sống chung với anh R, nhưng chị Sa H khẳng định không thể duy trì quan hệ vợ chồng với anh R được nữa. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sa H, cho chị Sa H ly hôn với anh R, là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của anh R.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm, cả chị Sa H và anh R đều không có kháng cáo, người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm không có quyết định kháng nghị, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo xin đoàn tụ của anh R, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ.

[4] Về án phí: Theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định "Đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm". Do anh Thạch R thuộc diện được miễn án phí theo quy định của pháp luật; anh R có đơn xin miễn án phí và được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, chấp nhận cho anh R miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của anh Thạch R.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 59/2018/HNGĐ-ST ngày 16-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Sa H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Sa H được ly hôn với anh Thạch R.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Thạch R và chị Thạch Thị Sa H về việc thống nhất giao cho chị Thạch Thị Sa H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thạch Thị Sa V và trực tiếp chăm sóc, điều trị bệnh cho cháu Thạch Sao R cho đến khi cháu Thạch Sao R khỏe mạnh và có khả năng lao động được.

Anh Thạch R có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị Thạch Thị Sa H cùng thành viên gia đình không được cản trở anh Thạch R trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân phúc thẩm cho anh Thạch R.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Đê